THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT NĂM 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Phan Thiết
- **Mã trường:** DPT
- **Địa chỉ :** 225 Nguyễn Thông – Phú Thủy – Lâm Đồng.
- **Website:** https://upt.edu.vn
- **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0252 628 3838 – 076.253.8686

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) trong năm 2026 và những năm trước;
- Đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026 phải có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Nhà trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Phan Thiết xét tuyển dựa trên 04 phương thức:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT).
- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (học bạ).
- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.
- **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mô tả cụ thể 04 phương thức tuyển sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT).

- Điểm xét tuyển được tính theo điểm Tổ hợp môn xét tuyển.

- Thí sinh phải đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Nhà trường thông báo sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 (có cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định của Bộ).
- Riêng đối với **Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Luật, Luật Kinh tế**: thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ giáo dục quy định.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (học bạ).

- Điểm xét tuyển là điểm trung bình của 3 môn học cả năm lớp 10, 11, 12 theo tổ hợp xét tuyển; có cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định của Bộ.
- Điểm xét tuyển = ((ĐTB môn 1 Lớp 10 + Lớp 11 + Lớp 12) + (ĐTB môn 2 Lớp 10 + Lớp 11 + Lớp 12) + (ĐTB môn 3 Lớp 10 + Lớp 11 + Lớp 12))/3 >= 15.0
- Điểm xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên.
- Đối với **Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học**: Kết quả học tập cả năm 12 được đánh giá mức Khá (học lực xếp từ loại Khá trở lên) và có tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16.5 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên; Điểm xét tuyển đạt từ 19 điểm trở lên.
- Đối với **Ngành Luật, Luật Kinh tế**: Kết quả học tập cả năm 12 được đánh giá mức Giỏi (học lực xếp từ loại Giỏi trở lên) và có tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt từ 18.0 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên; Điểm xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.

Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 quy đổi về thang điểm 30 để xét tuyển theo quy định của Trường.

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường Đại học Phan Thiết xét tuyển thẳng thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng tại Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Học bổng tuyển sinh đầu vào năm 2026

- **Học bổng Tinh hoa: Giảm 100% học phí học kỳ 1** năm nhất cho tân sinh viên là **học sinh Giỏi lớp 12.**
- **Học bổng Tài năng: Giảm 50% học phí học kỳ 1** năm nhất cho tân sinh viên là **học sinh Khá lớp 12.**

- **Học bổng Đồng hành: Giảm 3,000,000 đồng học phí học kỳ 1** năm nhất cho tân sinh viên nhập học sớm.
- **Học bổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026:**
-
    - *Giảm 100% học phí học kỳ 1 năm nhất cho tân sinh viên có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 27 đến 30 điểm.*
    - *Giảm 50% học phí học kỳ 1 năm nhất cho tân sinh viên có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 24 đến dưới 27 điểm.*
    - *Giảm 3,000,000 đồng học phí học kỳ 1 năm nhất cho tân sinh viên có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 18 đến dưới 24 điểm.*
- **Học bổng Ươm mầm:**
-
    - *Giảm 50,000,000 đồng học phí toàn khóa học cho tân sinh viên có hoàn cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ và thuộc diện hộ nghèo / cận nghèo / hoàn cảnh khó khăn (có giấy xác nhận).*
    - *Giảm 40,000,000 đồng học phí toàn khóa học cho tân sinh viên là người khuyết tật; mồ côi cha hoặc mẹ; con thương binh, liệt sỹ và thuộc diện hộ nghèo / cận nghèo / hoàn cảnh khó khăn (có giấy xác nhận).*

4. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Nhà trường sẽ công bố quy tắc, mức quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về "tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT".

5. Các ngành tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN

1	Công nghệ thông tin	7480201	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) D90 (Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa lí, Tiếng Anh) X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí) C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa lí, Tiếng Anh) D14 (Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ Văn, Địa lí, Tiếng Anh)

3	Quản trị khách sạn	7810201	C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí) C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa lí, Tiếng Anh) D14 (Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ Văn, Địa lí, Tiếng Anh) X78 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)
4	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí) C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa lí, Tiếng Anh) D14 (Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh) X78 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)

5	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh) X78 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)
6	Luật	7380101	C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh) X01 (Toán, Ngữ Văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật) X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh) X78 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)

7	Luật kinh tế	7380107	C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh) X01 (Toán, Ngữ Văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật) X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh) X78 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh) D90 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh) X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh) X78 (Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh)

9	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) A04 (Toán, Vật Lí, Địa lí)
10	Quản trị kinh doanh	7340101	A01 (Toán, Vật Lí, Anh) C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí) C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) A04 (Toán, Vật Lí, Địa lí)

11	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lí) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa lí, Tiếng Anh) X01 (Toán, Ngữ Văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật)
12	Kế toán	7340301	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) X01 (Toán, Ngữ Văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật)

13	Kỹ thuật cơ khí	7520103	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) A04 (Toán, Vật Lí, Địa lí) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)
14	Kỹ thuật ô tô	7520130	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) A04 (Toán, Vật Lí, Địa lí) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)
15	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh)

16	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00 (Toán, Vật Lí, Hóa) A01 (Toán, Vật Lí, Anh) A04 (Toán, Vật Lí, Địa lí) C01 (Toán, Vật lí, Ngữ Văn) D90 (Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh)

6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- Thí sinh xét tuyển vào Trường Đại học Phan Thiết được hưởng các chế độ ưu tiên và xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.